

Điểm báo tuần (21–25/10)

Tổng hợp:

Thị trường giảm vào thứ 2 và tăng trở lại trong cả 4 ngày sau đó: Hầu hết các ngành đều tăng điểm, đặc biệt là dịch vụ tiêu dùng, nguyên vật liệu, công nghệ thông tin, và ngân hàng. Tuy nhiên, thanh khoản lại giảm và tốc độ giao dịch rất chậm: dầu khí và ngân hàng giảm mạnh nhất, trong khi đó dịch vụ tiêu dùng và tiện ích lại tăng mạnh nhất

1 tuần với không nhiều thông tin cả trên thế giới và Việt Nam: EU nhất trí về mặt nguyên tắc lùi thời điểm Brexit sau ngày 31/10. Thời điểm Brexit mới chưa được ấn định. ECB quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản và các công cụ tiền tệ khác: lãi suất tiền gửi được duy trì ở mức -0,5%, đồng thời tái khẳng định việc khởi động chương trình mua trái phiếu, tức chương trình nới lỏng định lượng (QE) với hạn mức 20 tỷ euro (22,4 tỷ USD) mỗi tháng. Do đó, EU sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Triển vọng tuần này phụ thuộc vào quỹ ETF E1VFN30 tái cơ cấu danh mục và công bố các chỉ tiêu vĩ mô quan trọng như CPI FDI và xuất nhập khẩu, trong đó, quan trọng nhất là CPI do có tác động nhiều tới chính sách vĩ mô của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2019 và 2020.

Vn-Index – 1 tháng



Giao dịch trong tuần

	Vn-Index	HNX
Đóng cửa	996.57	104.71
Tăng/giảm (+/-)	7.37	-0.77
Tăng giảm (%)	0.75%	-0.73%
Khối lượng trung bình (Triệu)	159	22
Giá trị trung bình (Tỷ)	2,960	240
Giao dịch khối ngoại (Tỷ)	-124.8	-36
PE	16.52	9.24
PB	2.42	1.03
Vốn hóa (K tỷ)	3,383	988

Phạm Hải Hoàng CFA, MBA

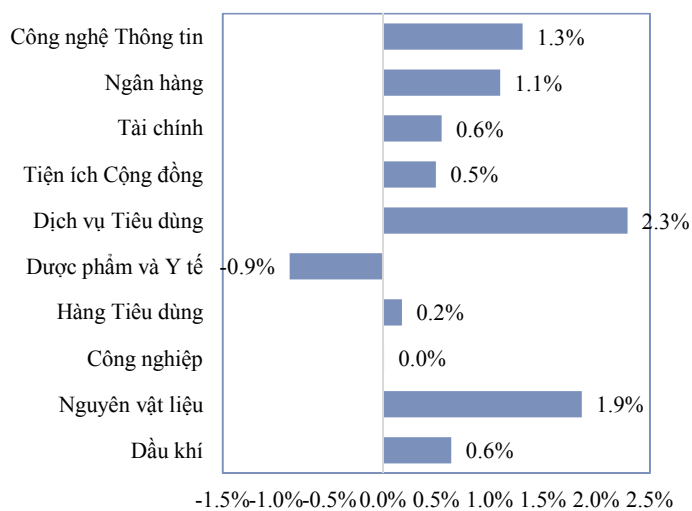
+84 64 211 065

Hoang.pham@nhsv.vn

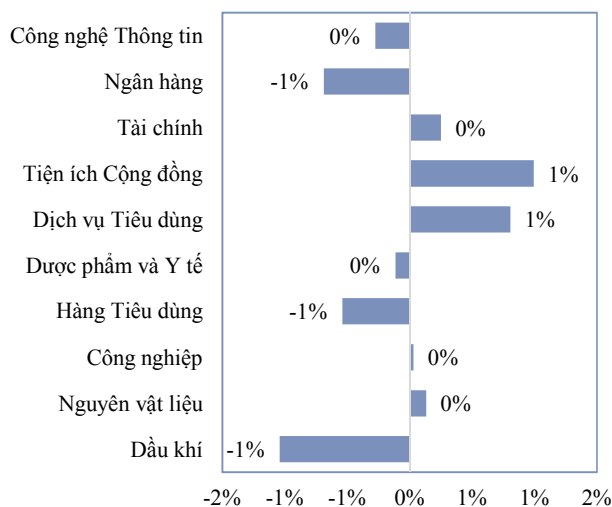
Tổng kết tuần trước

- Vn-Index : 996.57 (+0.75%)
Giá trị giao dịch trung bình : 2,960 tỷ (-2.8%)
- Thị trường giảm vào thứ 2 và tăng trở lại trong cả 4 ngày sau đó:
 - ✓ Hầu hết các ngành đều tăng điểm, đặc biệt là dịch vụ tiêu dùng, nguyên vật liệu, công nghệ thông tin, và ngân hàng
 - ✓ Tuy nhiên, thanh khoản lại giảm và tốc độ giao dịch rất chậm: dầu khí và ngân hàng giảm mạnh nhất, trong khi đó dịch vụ tiêu dùng và tiện ích lại tăng mạnh nhất
- 1 tuần với không nhiều thông tin cả trên thế giới và Việt Nam: EU nhất trí về mặt nguyên tắc lùi thời điểm Brexit sau ngày 31/10. Thời điểm Brexit mới chưa được ấn định. ECB quyết định giữ nguyên lãi suất cơ bản và các công cụ tiền tệ khác: lãi suất tiền gửi được duy trì ở mức -0,5%, đồng thời tái khẳng định việc khởi động chương trình mua trái phiếu, tức chương trình nới lỏng định lượng (QE) với hạn mức 20 tỷ euro (22,4 tỷ USD) mỗi tháng. Do đó, EU sẽ tiếp tục nới lỏng chính sách tiền tệ để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Vận động ngành



Thanh khoản ngành



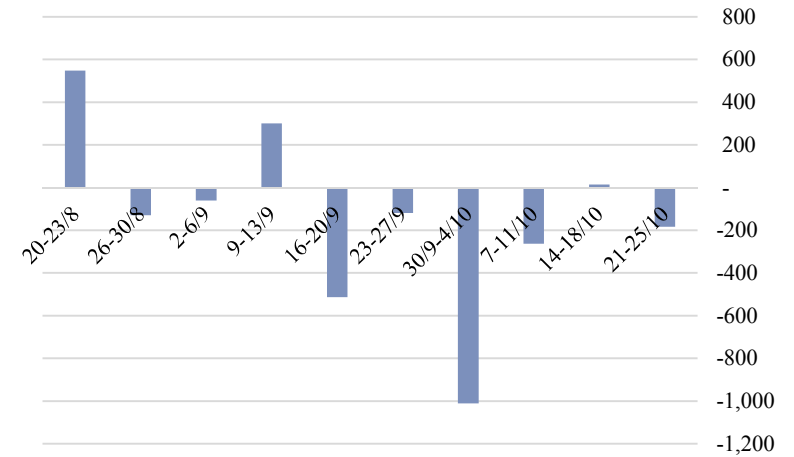
Chỉ số định giá

	PE	PB
Dầu khí	20.04	1.39
Nguyên vật liệu	13.16	1.10
Công nghiệp	14.73	1.95
Hàng Tiêu dùng	20.50	3.19
Dược phẩm và Y tế	13.15	1.98
Dịch vụ Tiêu dùng	18.67	3.33
Tiện ích Cộng đồng	14.65	2.19
Tài chính	21.86	2.66
Ngân hàng	11.54	1.82
Công nghệ Thông tin	13.62	2.22

Giao dịch khối ngoại

- Khối ngoại bán ròng 184 tỷ trên 3 sàn
- Trong đó, bán ròng 125 tỷ sàn HOSE, bán ròng 36 tỷ sàn HNX, và bán ròng 23 tỷ sàn UPCOM

Giao dịch khối ngoại 10 tuần gần nhất



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Mua ròng
1	VNM	HOSE	266,567	204,939	61,628
2	VJC	HOSE	78,779	21,347	57,433
3	VCB	HOSE	198,534	145,532	53,002
4	PTB	HOSE	54,609	4,978	49,630
5	BID	HOSE	33,922	5,261	28,661
6	KBC	HOSE	33,459	7,939	25,520
7	SBT	HOSE	24,310	142	24,168
8	E1VFN30	HOSE	33,327	13,375	19,952
9	GAS	HOSE	31,353	13,681	17,672
10	NVL	HOSE	59,421	47,379	12,042
11	PPC	HOSE	9,630	679	8,951
12	BMP	HOSE	11,532	2,982	8,550
13	KDH	HOSE	9,815	1,449	8,366
14	ACV	UPCOM	27,948	19,871	8,077
15	QNS	UPCOM	7,640	0	7,640

Source: FiinPro

Top bán ròng

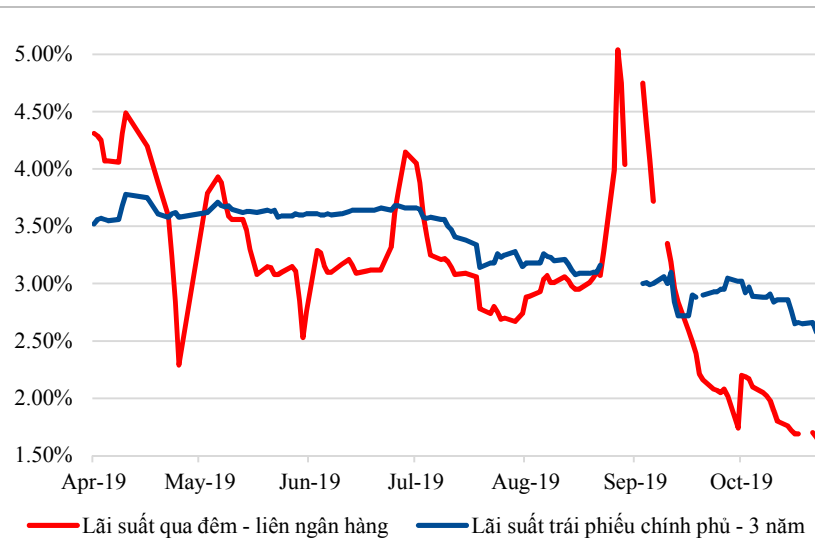
STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Bán ròng
1	GTN	HOSE	995	132,456	-131,461
2	VHM	HOSE	116,523	236,753	-120,229
3	MSN	HOSE	52,096	111,240	-59,144
4	VIC	HOSE	112,991	155,620	-42,629
5	POW	HOSE	24,887	58,261	-33,374
6	BSR	UPCOM	3,561	36,020	-32,460
7	NET	HNX	0	27,765	-27,765
8	PVD	HOSE	7,083	31,795	-24,712
9	SFI	HOSE	75	15,912	-15,837
10	HDB	HOSE	57,114	72,436	-15,323
11	VRE	HOSE	192,961	206,831	-13,870
12	SDI	UPCOM	110	13,809	-13,700
13	GEX	HOSE	4,002	14,334	-10,333
14	HPG	HOSE	79,600	89,438	-9,839
15	NT2	HOSE	282	10,064	-9,782

Source: FiinPro

Lãi suất và tỷ giá

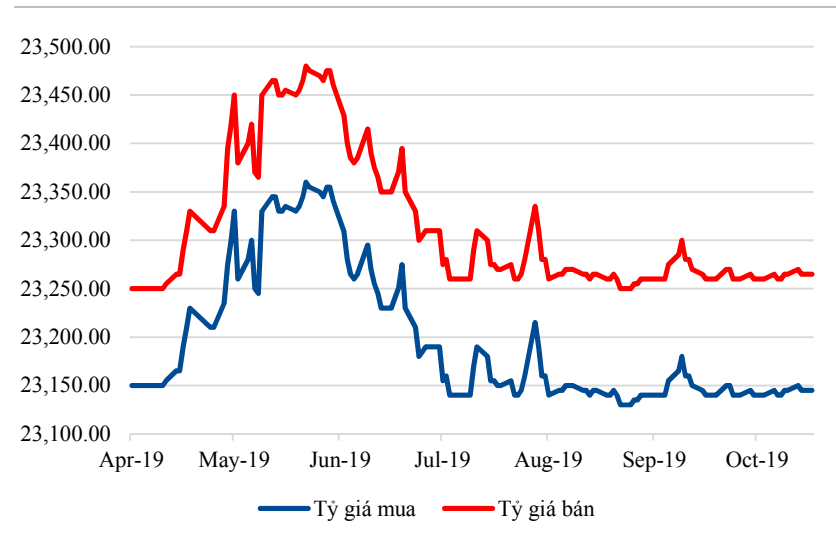
- Lãi suất qua đêm – liên ngân hàng tiếp tục giảm 3 tuần liên tiếp 8 điểm cơ bản về 1.61%/năm, thấp nhất năm 2019. Thanh khoản hệ thống ngân hàng đang rất dư thừa
- Lãi suất trái phiếu chính phủ - 3 năm cũng giảm 3 tuần liên tiếp 3 điểm cơ bản về mức 2.54%/năm
- Tỷ giá đi ngang ở mức 23,140 và 23,260 cho chiều mua và bán. Tỷ giá cũng đang rất ổn định trong năm 2019

Lãi suất



Nguồn: FiinPro

Tỷ giá USD/VND tại Vietcombank



Nguồn: FiinPro

Triển vọng tuần này

- Quỹ ETF E1FVN30 sẽ tiến hành cơ cấu danh mục trong tuần này**

Tuần trước, HoSE đã có những thay đổi về tỷ lệ free-float cũng như giới hạn tỷ trọng vốn hóa thành phần cổ phiếu trong danh mục của VN30. Trong đó, các cổ phiếu ROS STB VIC VHM VRE được tăng tỷ trọng, và CTD GMD VNM bị giảm tỷ trọng trong Vn30. Thay đổi này sẽ có hiệu lực kể từ ngày 4/11/2019. Do đó, trong tuần này, quỹ E1FVN30 sẽ phải tiến hành tái cơ cấu danh mục và sẽ có tác động tương đối lớn tới giá cổ phiếu và thanh khoản.

- Một số chỉ tiêu vĩ mô quan trọng (CPI FDI xuất nhập khẩu) sẽ được công bố**

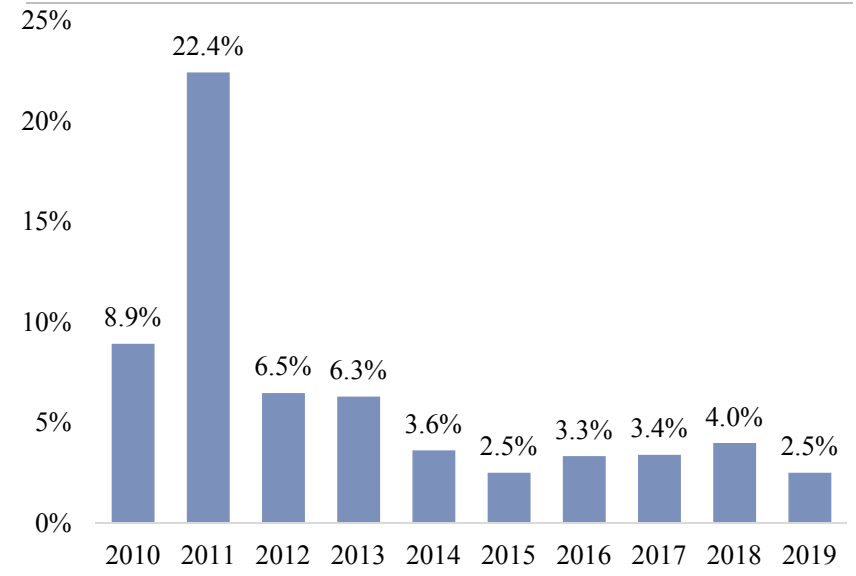
Nhiều chỉ tiêu vĩ mô quan trọng như CPI FDI và xuất nhập khẩu sẽ được công bố trong tuần này, trong đó, quan trọng nhất là CPI do có tác động nhiều tới chính sách vĩ mô của Việt Nam trong những tháng cuối năm 2019 và 2020. Hiện tại, CPI đang được kiểm soát rất tốt với mức tăng chỉ là 2.18% sau 9 tháng 2019: thấp nhất 3 năm. Kế hoạch kiểm soát lạm phát dưới 4% trong năm 2019 là hoàn toàn khả thi.

Dự báo mua/bán của quỹ E1FVN30 trong tuần này

Code	Current weight	Current shares	New weight	New shares	Change (%)	Change (shares)
EIB	2.48%	9,778,990	2.56%	10,097,790	0.08%	318,800
ROS	0.66%	1,667,020	0.87%	2,193,833	0.21%	526,813
SBT	0.75%	2,581,228	0.82%	2,834,776	0.07%	253,548
VHM	4.64%	3,455,490	4.87%	3,626,457	0.22%	170,967
VIC	7.52%	4,137,297	7.89%	4,347,100	0.37%	209,803
VRE	2.13%	4,299,573	2.24%	4,538,464	0.11%	238,891
CTD	0.56%	410,060	0.45%	331,740	-0.11%	-78,320
GMD	1.06%	2,599,926	1.00%	2,438,755	-0.07%	-161,171
HDB	2.90%	6,696,120	2.87%	6,635,437	-0.03%	-60,683
HPG	5.39%	16,197,832	5.31%	16,007,809	-0.07%	-190,023
MBB	4.81%	13,355,666	4.76%	13,233,020	-0.05%	-122,646
STB	2.83%	16,739,871	2.95%	17,428,326	0.11%	688,455
TCB	8.43%	22,232,544	8.31%	21,961,445	-0.11%	-271,099
VJC	5.70%	2,647,766	5.44%	2,530,871	-0.26%	-116,895
VPB	5.88%	16,824,740	5.80%	16,617,332	-0.08%	-207,408

Nguồn: HSC

CPI trung bình 9 tháng qua các năm



Nguồn: FiinPro

NH Securities Vietnam



DISCLAIMER

The research is based on current public information that NHSV considers reliable, but NHSV does not represent it as accurate or complete and it should not be relied on as such. Furthermore, the research does not take into account particular investment objectives, financial situations or individual client needs, and NHSV is in no way legally responsible for future returns or loss of original capital. All materials in this report are the intellectual property of NHSV. Copying, distributing, transmitting, transforming or lending of this material without NHSV consent is prohibited.